

TIỀM NĂNG VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH SINH THÁI Ở VƯỜN QUỐC GIA BÙ GIA MẬP

Đình Thanh Sang¹

TÓM TẮT

Sử dụng phương pháp kế thừa tài liệu, khảo sát thực địa và phỏng vấn, nghiên cứu đã ghi nhận được nguồn tài nguyên đa dạng sinh học, cảnh quan tự nhiên và tài nguyên nhân văn phong phú phục vụ du lịch sinh thái (DLST). Vườn Quốc gia (VQG) Bù Gia Mập có một tiềm năng rất lớn cho phát triển DLST. Có 1.117 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 128 họ của 5 ngành, trong đó 19 loài có tên trong Danh lục Đỏ thế giới IUCN. Hệ động vật đa dạng với 105 loài thú, 246 loài chim, 58 loài bò sát, 28 loài lưỡng cư, 289 loài côn trùng và 31 loài cá. Đặc biệt, vườn có 20 suối và thác nước tự nhiên rất đẹp và là điểm cuối của đường ống dẫn dầu 4.990 km lịch sử được xây dựng từ thời kháng chiến chống Mỹ. Hơn nữa, vùng đệm của Vườn là nơi chung sống của 17 dân tộc với nhiều truyền thống văn hóa đa dạng và nét đặc sắc của đồng bào bản địa tạo nên sự hấp dẫn gắn với phát triển DLST. Tuy vậy, thực tế khai thác DLST hiện nay tại VQG Bù Gia Mập còn nhiều khó khăn, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của nó. Vì vậy, nghiên cứu đã đưa ra 8 nhóm giải pháp nhằm phát triển bền vững DLST tại VQG này.

Từ khóa: Du lịch sinh thái, đa dạng sinh học, phát triển bền vững, văn hóa bản địa, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.

1. BÁT VẤN ĐỀ

Du lịch sinh thái (DLST) bắt đầu được quan tâm đến trong những năm 1800, DLST được hiểu là mọi hoạt động du lịch liên quan tới thiên nhiên [14]. Từ đó, thuật ngữ này được sử dụng và nghiên cứu cho tới ngày nay. DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa, có tính giáo dục môi trường và đóng góp vào các nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương [13]. Theo UNEP (2002), DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên bao gồm các tiêu chí: loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, thường được triển khai tại nơi còn hoang sơ, có hoạt động giáo dục và diễn giải môi trường; có hoạt động giảm thiểu tác động đến tài nguyên và văn hóa; có hỗ trợ cho hoạt động bảo tồn và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương. Khác với du lịch đại chúng, DLST ngoài mục đích lợi nhuận còn gắn với cộng đồng và môi trường. Hoạt động DLST không những đem lại thu nhập cho cư dân địa phương mà còn góp phần giảm bớt áp lực phá rừng ở VQG Cát Tiên [8]. Đồng bào bản địa sử dụng tài nguyên rừng chế tác ra những sản phẩm truyền thống đặc trưng phục vụ du khách [10, 11].

Vườn Quốc gia (VQG) Bù Gia Mập nằm ở đoạn cuối của dãy Trường Sơn Nam, là khu chuyển tiếp

giữa vùng đồi núi và vùng núi thấp. Nhiều sinh cảnh đồi núi và đất ngập nước đã tạo nên những vẻ đẹp đặc trưng cho vườn. VQG Bù Gia Mập là khu rừng đặc dụng bảo tồn được nguồn gen nhiều loài động thực vật quý hiếm, đồng thời lưu giữ những tập quán qui bầu và giàu tình nhân văn của nhiều dân tộc anh em cùng chung sống. Vùng đệm VQG này có nhiều cộng đồng dân tộc với những nét văn hóa khác nhau là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn vô giá. Tuy nhiên, hoạt động DLST ở VQG Bù Gia Mập vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa xứng tầm với tiềm năng vốn có của nó. Nghiên cứu đánh giá tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn tại VQG Bù Gia Mập, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển bền vững DLST cho khu rừng đặc dụng này.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung

Đánh giá các giá trị tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn và hiện trạng DLST của VQG Bù Gia Mập. Phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với phát triển DLST tại khu rừng đặc dụng này. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm phát triển bền vững DLST tại VQG Bù Gia Mập.

2.2. Phương pháp

Nghiên cứu đã kế thừa các báo cáo và các số liệu thống kê của VQG Bù Gia Mập và Viện Sinh thái học miền Nam [17, 18]. Các dữ liệu được phân tích, tổng hợp theo mục đích của nghiên cứu. Sử dụng

¹ Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: dinhthanh.sang.vn@gmail.com

Sách Đỏ Việt Nam [1, 2], Danh lục Đỏ thế giới [12] và Nghị định 32 [4] để đối chiếu với danh mục động thực vật của VQG Bu Gia Mập nhằm tìm ra các loài bị đe dọa, nguy cấp qui hiếm có giá trị về mặt khoa học và thẩm mỹ.

Kết hợp với nhân viên VQG khảo sát 5 tuyến trong rừng tự nhiên thuộc vùng lõi và 4 thôn trong vùng đệm của VQG Bu Gia Mập. Các tuyến khảo sát theo các đường mòn qua các sinh cảnh rừng, điểm cuối VK96 của đường ống dẫn dầu, thạc, hồ, khu cư hộ động vật, các thôn gần rừng thuộc xã Bu Gia Mập và xã Đăk Ô.

Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 7 cán bộ VQG Bu Gia Mập, 70 hộ dân 4 thôn thuộc 2 xã Bu Gia Mập và Đăk Ô và 42 sinh viên học tập thực tế tại vườn. Áp dụng phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia (RRA), công cụ chính được sử dụng cho nghiên cứu là phỏng vấn cá nhân đại diện cho nông hộ. Áp dụng công cụ SWOT để lấy ý kiến cư dân, cán bộ, nhân viên VQG về các điểm mạnh (Strengths), điểm yếu (Weaknesses), cơ hội (Opportunities) và thách thức (Threats) trong phát triển DLST tại VQG Bu Gia Mập.

8. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đánh giá tài nguyên du lịch tự nhiên

3.1.1 Hiện trạng sử dụng đất và tài nguyên rừng

VQG Bu Gia Mập nằm ở phía Bắc của tỉnh Bình Phước thuộc xã Đăk Ô, Bu Gia Mập, huyện Bu Gia Mập, cách thành phố Hồ Chí Minh 200 km, có tọa độ địa lý 12°8'30" đến 12°7'3" vĩ độ Bắc và từ 107°3'30" đến 107°4'30" kinh độ Đông. Vùng lõi của vườn có diện tích 25.926 ha thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước; diện tích vùng đệm 18.036 ha, phía tỉnh Bình Phước là 10.036 ha, phía tỉnh Đăk Nông là 8.000 ha.

VQG Bu Gia Mập có 4 kiểu rừng là rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới; rừng kín nửa thường xanh mưa ẩm nhiệt đới; rừng hỗn giao cây gỗ và tre, nứa; rừng tre, nứa. Diện tích rừng tự nhiên là 25.505,7 ha (98,5%), trong đó rừng hỗn giao chiếm tỷ lệ cao nhất (68,9%), kế đến là rừng gỗ lá rộng (22,8%), ít nhất là rừng lá ô. tre, nứa (6,9%). Rừng hỗn giao chủ yếu gồm cây thân gỗ và lá ô. Đất chưa có rừng là đất trống có cây gỗ rải rác. Nhiều loại rừng nguyên sinh, diện tích rừng tự nhiên lớn và 112 ha hệ thống sông, suối là điều kiện cần để VQG Bu Gia Mập quy hoạch, bảo tồn sinh cảnh và phát triển DLST.

3.1.2 Tài nguyên khu hậu, thủy văn

VQG Bu Gia Mập có khí hậu nhiệt đới với hai mùa nắng và mưa rõ rệt. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, tập trung khoảng tháng 7 - 9. Nhiệt độ trung bình là 26,4°C, dao động trong khoảng 25,8°C - 27,1°C. Độ ẩm trung bình là 78,7%, dao động từ 76,8% đến 81%. Số giờ nắng trung bình là 2.541 giờ, dao động trong khoảng 2.201 - 2.744 giờ. Lượng mưa trung bình là 2.565 mm, dao động từ 2.167 mm đến 3.402 mm. Các đặc tính trên đã tạo ra một hệ sinh thái rừng có tính đa dạng sinh học cao, hấp dẫn khách DLST.

Chỉ tiêu về nhiệt độ, độ ẩm, số giờ nắng chênh lệch giữa các năm là rất ít, riêng lượng mưa chênh lệch tương rất lớn, điều này ảnh hưởng lớn đến công việc nghiên cứu du khách tham quan trong rừng vào mùa mưa.

VQG Bu Gia Mập nằm ở thượng nguồn lưu vực sông Bè tại vị trí các nhánh chính là Đăk Huyt đổ vào hồ chứa nước Cánh Đơn và nhánh Đăk Glun đổ vào hồ chứa Thác Mơ. Sông, suối của khu rừng đặc dụng này chủ yếu là các nhánh suối nhỏ đổ trực tiếp vào các sông chính, đó là nhánh Đăk Huyt và Đăk Glun.

3.1.3 Đa dạng hệ thực vật

VQG Bu Gia Mập có tính đa dạng thực vật cao với 1.117 loài, thuộc 127 họ, 62 bộ của 5 ngành thực vật. Trong đó, có 6 loài thực vật nguy cấp qui hiếm thuộc nhóm IIA theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP, 17 loài bị đe dọa trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, 19 loài thực vật được là các loài bị đe dọa theo Danh lục Đỏ thế giới [12]. Đặc biệt, các loài có giá trị về kinh tế, thẩm mỹ như gỗ đỏ, cẩm lai Bà Rịa, giáng hương trái to, kim giao, ưu hợp bàng lạng - lỏ ô và hơn 70 loài lan rừng làm tăng giá trị tài nguyên thực vật của vườn. Tính đa dạng thực vật cao với nhiều giá trị về khoa học, bảo tồn và thẩm mỹ là nền tảng hết sức quan trọng để quy hoạch, bảo tồn đa dạng thực vật và khai thác DLST ở VQG Bu Gia Mập. Thế mạnh này sẽ hấp dẫn những du khách thích xem lan rừng và các loài thực vật qui hiếm của vườn.

3.1.4 Đa dạng hệ động vật

VQG Bu Gia Mập có 105 loài thú thuộc 29 họ, 12 bộ. Trong đó, bộ gấm nhám có số lượng nhiều nhất (29 loài), theo sau là bộ ăn thịt (27 loài) và bộ dơi (20 loài). Trong đó có 42 loài qui hiếm (chiếm 40%), 32 loài ghi trong Danh lục Đỏ thế giới [12], 36 loài ghi trong Sách Đỏ Việt Nam [2], 39 loài ghi trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP thuộc phụ lục IB, IIB. Đặc biệt, 4 loài ở mức CR rất nguy cấp, đó là bảo hoa mai, hổ,

trâu rừng và voi. Tính đa dạng về loài và mức độ qui hiếm đã tạo nên một nét hấp dẫn cho những du khách thích xem thú ban đêm.

Vườn có 246 loài chim thuộc 56 họ, 16 bộ. Nghiên cứu ghi nhận được 18 loài chim qui hiếm có giá trị về mặt khoa học và thẩm mỹ. Trong đó, 17 loài chim qui hiếm theo Nghị định 32/2006/CP, 10 loài được ghi nhận trong Sách Đỏ Việt Nam [2], 5 loài trong Danh lục Đỏ thế giới. Đặc biệt, loài công *Pavo muticus* thuộc cấp độ bảo tồn rất nguy cấp, phân bố rất hẹp, chủ yếu ở khu vực vườn giáp ranh giữa tỉnh Bình Phước và Đắk Nông. Sự đa dạng về loài và nhiều loài qui hiếm đã tạo điểm nhấn đối với các du khách thích hoạt động xem chim.

VQG Bù Gia Mập có 58 loài bò sát thuộc 14 họ, 2 bộ. Trong đó, 10 loài quý hiếm theo Nghị định 32/2006/CP; 5 loài trong Danh lục Đỏ thế giới 2019 [12]; 14 loài qui hiếm được ghi nhận trong Sách Đỏ Việt Nam [2]; 3 loài trăn gấm, trăn đất, rắn hổ chúa được xếp vào mức cực kỳ nguy cấp (CR) trong Sách Đỏ Việt Nam. Hệ bò sát này hấp dẫn du khách thích khám phá, thích mạo hiểm.

VQG Bù Gia Mập có 28 loài lưỡng cư thuộc 8 họ, 2 bộ. Trong đó, 2 loài cóc qui hiếm được ghi nhận trong Sách Đỏ Việt Nam [2], 3 loài trong Danh lục Đỏ thế giới 2019 [12]. Sự đa dạng các loài lưỡng cư rất có giá trị cho nghiên cứu khoa học và khai thác DLST.

Vườn có 289 loài côn trùng thuộc 55 họ, 9 bộ. Trong đó, có 115 loài bướm, 2 loài hiếm tại khu rừng đặc dụng này là *Dichorragia nesimachus* và *Penthema binghami* [18]. Đa dạng về các loài bướm là một trong những thế mạnh thu hút du khách đến ngắm bướm trong khoảng tháng 4 đến tháng 6 hàng năm.

VQG Bù Gia Mập có 31 loài cá thuộc 13 họ, 6 bộ. Trong đó, đa dạng nhất là bộ cá chép (Cypriniformes) có 15 loài (48,39%), kế đến là bộ cá Vược (Perciformes) chiếm 19,35%, bộ cá nheo (*Siluriformes*) chiếm 16,13% [18]. Sự đa dạng các loài cá làm tăng giá trị bảo tồn đa dạng sinh học và khai thác DLST.

3.1.5. Đa dạng về cảnh quan

VQG Bù Gia Mập có khí hậu trong lành, mát mẻ nằm trên sườn đồi Tây Nam của cao nguyên Bù Rạng thuộc tỉnh Đắk Nông. Đặc trưng cho hệ sinh thái chuyển tiếp từ Tây Nguyên xuống vùng Đông Nam bộ. Điểm cao nhất của Vườn là 738 m so với mực

nước biển, độ cao thấp nhất là 150 m. Sự thay đổi về độ cao như vậy đã tạo nên những cảnh quan hùng vĩ và hoang sơ. là nét hấp dẫn cho những du khách thích mạo hiểm.

VQG Bù Gia Mập có cả hệ sinh thái trên cạn và đất ngập nước, nằm ở thượng nguồn lưu vực sông Bè. Sông suối trong Vườn chủ yếu là các nhánh suối nhỏ đổ trực tiếp vào các sông chính với 20 dòng suối, thác nước lớn nhỏ chạy trong và quanh Vườn như: thác Đắk Mai, thác Lưu Ly, thác Đắk Bò, thác Đắk Sani, thác Đắk Nô, thác Đắk Lức, thác Sông Bè, suối Đắk Ca... và nhiều hang động như: hang Nai, hang Dơi, hang Đá... Thác Đắk Mai có hai hang động tạo xoáy nước tuyệt đẹp, được gọi là giếng trời. Đặc biệt, hồ Hoa Mai được hình từ một nhánh suối nhỏ, diện tích khoảng 10 ha, hoa nở rực rỡ vào mỗi dịp Tết cổ truyền. Những địa điểm này là nơi hấp dẫn du khách khám phá, ngắm cảnh, tắm suối và cắm trại dã ngoại.

3.2. Đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn

3.2.1. Văn hóa bản địa

Vùng đệm VQG Bù Gia Mập thuộc 3 xã Đắk O, Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước và xã Quảng Trục, tỉnh Đắk Nông. Đây là không gian chung sống của 17 dân tộc với nhiều truyền thống văn hóa đa dạng. Tuy nhiên, chỉ có 3 nhóm dân tộc chiếm đa số là Kinh, Stiêng và M'Nông với tỷ lệ dân số lần lượt là 44%, 27,3% và 15,9%. Do đó, nét đặc sắc về văn hóa bản địa ở đây chủ yếu từ cộng đồng Stiêng và M'Nông. Hai cộng đồng này có những hoạt động truyền thống như dệt thổ cẩm, đan giùi, đan lát, cúng lúa mới, múa, lễ hội cúng chiêng, lễ hội đâm trâu. Đặc biệt, họ có nhiều món ăn và thức uống mang đậm chất bản địa như cơm lam, dọt mây nướng, canh thụt và rượu cần. Canh thụt là loại canh có thành phần bao gồm lá nhíp và cá, được nấu trong ống tre. Đây là thế mạnh để gắn kết DLST với du lịch cộng đồng, du lịch "Homestay"; khuyến khích cộng đồng bản địa tham gia vào DLST và bảo vệ tài nguyên rừng.

3.2.2. Các di tích lịch sử văn hóa

Điểm cuối của đường ống dẫn dầu dài 4.990 km ở ngay trong vùng lõi VQG Bù Gia Mập là di tích lịch sử kháng chiến. Đường ống dẫn dầu được xây dựng từ thời kháng chiến chống Mỹ, với điểm đầu tận từ Lạng Sơn và Móng Cái, nối dài và kết thúc ở căn cứ địa cách mạng Bù Gia Mập. Công trình này được xây dựng nhằm cung cấp xăng dầu cho xe, động cơ phục vụ trong chiến trường miền Nam, một yếu tố giúp cho quân và dân Việt Nam thống nhất đất nước. Đây

là net hấp dẫn du khách kết hợp tham quan trong các chuyên DLST.

3.3. Quản lý, khai thác tài nguyên du lịch và DLST

Mặc dù có nhiều lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên cũng như nhân văn nhưng DLST ở VQG Bù Gia Mập chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng vốn có. Nhân lực và vật lực còn rất thiếu và yếu. Trung tâm Giáo dục và Dịch vụ môi trường rừng của VQG đảm nhiệm nhiệm vụ DLST và chỉ có 2 nhân lực cơ hữu không phải là đồng bào bản địa. Đội ngũ hướng dẫn viên và phục vụ du khách là nhân viên hợp đồng thời vụ, chưa được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, yếu hoặc không biết ngoại ngữ. Trung tâm, Ban quản lý vườn và khu vực bán kính 30 km không có khách sạn. Vườn chỉ có 7 phòng nghỉ đã xuống cấp và 1 nhà sàn đại phục vụ du khách đoàn. Năng lượng phục vụ là từ điện lưới quốc gia, chưa lắp đặt các hệ thống sử dụng năng lượng tái tạo. Vườn chưa có Trung tâm dịch vụ du khách, chưa xây dựng khu cắm trại trong rừng, chưa xây chòi vọng cảnh.

VQG Bù Gia Mập chưa có các nghiên cứu về sức chịu tải DLST của môi trường rừng, đặc biệt chưa nghiên cứu những quy luật ảnh hưởng của hoạt động DLST đến từng thành phần môi trường rừng như: đất rừng, nước ngầm, hồ, sông, suối và động thực vật. Hơn nữa, chưa có sự phối hợp với địa phương cũng như người dân trong công tác phát triển DLST.

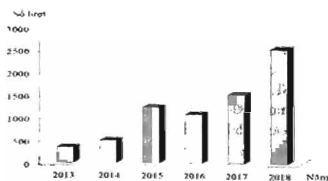
Công tác quảng bá DLST VQG Bù Gia Mập còn yếu. Các thông tin về DLST trên trang web của Vườn chưa nhiều và chỉ sử dụng tiếng Việt. Năm 2018, 42 sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một đi thực tập tại VQG Bù Gia Mập được phỏng vấn, 92,9% trả lời là trước khi giảng viên cho đi thực tập các em không biết đến VQG này. Mặt khác, chỉ có 5,7% trong 70 hộ dân sống gần rừng ở xã Đăk Ô và xã Bù Gia Mập biết hoạt động DLST trong vườn. 100% số hộ được hỏi trả lời gia đình họ không có ai tham gia phục vụ công việc DLST trong VQG Bù Gia Mập.

Bảng 1. Ma trận SWOT phát triển DLST ở VQG Bù Gia Mập

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
<ul style="list-style-type: none"> Tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú, tính đa dạng động thực vật cao. Nhiều loại thực vật nguy cấp quý hiếm như: gỗ đỏ, gỗ mật, cẩm lai Bà Rịa, giang hương trâu to. Nhiều loài động vật quý hiếm có cấp độ bảo tồn rất nguy cấp như: báo hoa mai, hổ, trâu rừng, voi và công. Nhiều cảnh quan sinh thái tự nhiên hoang sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhân lực: DLST còn thiếu về số lượng cũng như chuyên môn, nghiệp vụ. Cơ sở, vật chất, công nghệ phục vụ DLST còn rất thiếu ở nhiều hạng mục. Vốn và quy mô đầu tư cho bảo tồn đa dạng sinh học và DLST còn hạn chế. Khai thác tài nguyên DLST mới ở dạng sơ khai. Hoạt động quảng bá DLST chưa được triển khai.

3.4. Thực trạng khách DLST

Hàng năm, số lượng khách DLST đến VQG Bù Gia Mập rất ít, 100% là khách du lịch trong nước. Số lượt du khách đến tham quan vườn phân bố đều ngẫu nhiên trong năm, không có sự tập trung vào bất cứ một thời điểm nào. Hình 1 cho thấy số lượt khách DLST hàng năm tham quan vườn có tăng và tăng mạnh giữa 2 năm 2017 và 2018 (tương ứng là 1500 lượt và 2500 lượt). Tuy số lượt tham quan có tăng nhưng số du khách hàng năm là quá ít so với tiềm năng. Năm 2016, 61 VQG và khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam có hoạt động DLST thu hút được 2 triệu lượt khách [15], trung bình 1 VQG hay 1 khu bảo tồn thiên nhiên có 32.786,9 lượt khách trong 1 năm. Như vậy, số lượt khách DLST ở VQG Bù Gia Mập là rất thấp, chỉ chiếm 3,28% so với mức trung bình chung cả nước. Số lượt khách đến tham quan VQG Bù Gia Mập năm 2017 chiếm 0,57% so với tổng số lượt khách du lịch đến tỉnh Bình Phước. Năm 2018 con số này chỉ chiếm 0,56%. Như vậy, số lượt khách DLST đến VQG Bù Gia Mập quá sức ít so với bình diện của cả nước nói chung và của tỉnh Bình Phước nói riêng.



Hình 1. Số lượt khách DLST ở VQG Bù Gia Mập

Nguồn: Tổng hợp, 2019

3.5. Phân tích SWOT phát triển DLST ở VQG Bù Gia Mập

hùng vĩ và tuyệt đẹp như: thác Đắk Mai, hồ Hoa Mai.

Tiềm năng lớn về tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm văn hóa bản địa và di tích lịch sử.

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học đang được VQG Bù Gia Mập thực hiện tốt.

- Quy hoạch phát triển DLST chưa được phê duyệt, triển khai.

- Chưa có sự phối hợp giữa các bên liên quan. Chưa có sự tham gia của cộng đồng.

Cơ hội (O)

- Việt Nam đang là điểm đến mới và hấp dẫn của nhiều du khách quốc tế.
- DLST đang được ưu tiên trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam [5].
- Tỉnh Bình Phước đang ưu tiên phát triển DLST.
- Xu hướng DLST ngày càng tăng.
- Nhiều nhà đầu tư đang quan tâm đến các dự án phát triển DLST ở các VQG, khu bảo tồn.

Thách thức (T)

- Mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế từ DLST và bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển DLST thiếu quy hoạch.
- Áp lực khai thác tài nguyên rừng từ cư dân địa phương.
- Rác thải, tiếng ồn, dịch bệnh từ du khách.
- Du nhập sinh vật ngoại lai từ du khách.
- Khai thác lâm sản quý làm đồ lưu niệm.
- Bản sắc văn hóa bản địa bị lai tạp.

3.6. Giải pháp phát triển bền vững DLST

3.6.1. Giải pháp về cơ chế chính sách

- VQG Bù Gia Mập cần xúc tiến hợp tác với người dân địa phương và chính quyền các thôn, xã vùng đệm trong công tác phát triển DLST. Trong đó, thể hiện rõ vai trò, chức năng của các bên liên quan, phải có sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả. Chú trọng công tác an ninh, trật tự cho du khách.

- Ban quản lý cần chú trọng đến công tác tuyên truyền, giáo dục vai trò tích cực của DLST đối với môi trường, kinh tế và xã hội. Có các cơ chế khuyến khích các cộng đồng - đặc biệt là đồng bào S'tiêng và M'Nông tham gia phục vụ trong các dịch vụ DLST, góp phần giảm nghèo, giảm áp lực phá rừng của cư dân địa phương. Học tập các mô hình về DLST thành công ở các VQG, chẳng hạn như ở VQG Cát Tiên [8].

- Khuyến khích đầu tư, tạo mọi điều kiện thuận lợi và ưu đãi cho các nhà đầu tư vào DLST ở VQG Bù Gia Mập.

- Ưu tiên tuyển dụng những hộ gia đình cộng đồng dân tộc thiểu số khoán bảo vệ rừng theo Nghị định 75 [6] tham gia DLST hoặc vay vốn ưu đãi phát triển du lịch cộng đồng, phát triển nghề thủ công truyền thống cung cấp cho du khách.

3.6.2. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực

- Hướng dẫn viên cần được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ du lịch, ngoại ngữ - ưu tiên đào tạo tiếng Anh. Cần ưu tiên tuyển dụng và đào tạo đồng bào dân tộc S'tiêng và M'Nông làm hướng dẫn viên DLST ở VQG Bù Gia Mập nhằm vận dụng tri thức bản địa của họ vào công việc. Đồng bào dân tộc thiểu số là nguồn nhân lực có thể mạnh vượt trội phục vụ cho

DLST nhờ vào tri thức truyền thống được tích lũy từ đời này qua đời khác.

- Cần có kế hoạch đưa cán bộ đi học tập kinh nghiệm quản lý DLST ở các VQG có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Đào tạo nhân lực phục vụ cho DLST cần ưu tiên cư dân địa phương, đặc biệt là đồng bào dân tộc bản địa.

3.6.3. Giải pháp thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Thu hút sự tham gia của cộng đồng bằng cách tuyên truyền nhiều lợi ích mà DLST mang lại. DLST không những tạo việc làm, tăng thêm thu nhập mà còn bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn các nghề thủ công mỹ nghệ của đồng bào bản địa và góp phần bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Huyện Bù Gia Mập cần mở các lớp đào tạo nghề miễn phí về thủ công mỹ nghệ truyền thống, hướng dẫn viên du lịch, văn nghệ đồng bào bản địa, kỹ năng giao tiếp, bảo tồn đa dạng sinh học, môn ăn của đồng bào bản địa cho các hộ tham gia DLST.

- Huyện Bù Gia Mập cần kết hợp với VQG mở tuyến du lịch cộng đồng cho khách DLST của vườn. Ưu tiên 2 cộng đồng bản địa S'tiêng và M'Nông. Xây dựng Trung tâm Văn hóa và Du lịch cộng đồng tại xã Bù Gia Mập, vị trí nên gắn với Ban quản lý VQG.

- Các hộ tham gia hoạt động DLST được ưu tiên vay vốn từ nhiều nguồn như Ngân hàng Chính sách Xã hội, Quỹ hỗ trợ giảm nghèo, Quỹ quốc gia về việc làm, ưu đãi về thuế.

3.6.4. Giải pháp về xúc tiến quảng bá và xây dựng thương hiệu

- Cần tập trung xây dựng hình ảnh, uy tín DLST VQG Bù Gia Mập. Tập trung phát huy các thế mạnh

về tai nguyên đa dạng sinh học, cảnh quan sinh thái và văn hóa bản địa nhằm tạo nét đặc trưng riêng, ấn tượng với du khách.

- Trang web của VQG Bu Gia Mập cần có thông tin sơ đồ các tuyến du lịch, hệ thống hoa các điểm tham quan đặc trưng và bảng giá phí các dịch vụ. Đặc biệt, trang web Vườn cần được dịch ra nhiều từ tiếng, trong đó ưu tiên tiếng Anh.

- Hợp tác với ngành du lịch tỉnh Bình Phước và các tỉnh Đông Nam bộ. Mở hội chợ triển lãm quảng bá về DLST.

3.6.5. Giải pháp kinh tế

Tỉnh Bình Phước cần sớm quy hoạch làng nghề truyền thống cùng với thiết lập rừng trồng nguyên liệu phục vụ nghề đan lát, dệt thổ cẩm của đồng bào S'tiêng và M'Nông. Kết hợp với phát triển DLST của vườn, các sản phẩm làng nghề đặc trưng sẽ có thêm năng suất gia vào chuỗi giá trị hàng hóa. Vì vậy, cần có một đề án quy hoạch tích hợp, liên ngành.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng hệ thống khách sạn, cơ sở lưu trú ở trong vùng đệm VQG Bu Gia Mập. Mở rộng, nâng cấp hệ thống nhà nghỉ ở trụ sở vườn. Tỉnh Bình Phước cần nâng cấp hệ thống giao thông dẫn vào VQG Bu Gia Mập. Ban quản lý vườn cần chủ động hợp tác với các công ty dịch vụ lữ hành ở Đông Nam bộ làm đầu mối phát triển DLST.

- Tranh thủ các dự án quốc tế, quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học, sinh kế vùng đệm để phát triển DLST.

3.6.6. Giải pháp công nghệ bảo vệ tài nguyên và môi trường

Cần tiến hành ngay việc nghiên cứu xác định mức chịu tải du lịch của VQG Bu Gia Mập. Tìm ra tiêu chuẩn, chỉ số và giới hạn khu vực du khách được tiếp cận, tuyến được tham quan, mua tham quan, số lượng du khách, số lượng hướng dẫn viên, mức độ tiếng ồn. Cần nghiên cứu các quy luật tác động của hoạt động DLST lên các thành phần môi trường như đất rừng, nước mặt, nước ngầm, không khí, động vật, thực vật. Từ đó đưa ra những giải pháp phòng ngừa những tác động xấu ảnh hưởng đến các thành phần môi trường rừng.

Cần lập sơ đồ các tuyến tham quan và quy hoạch tổng thể DLST nhằm tạo thuận lợi cho du khách và hạn chế tối đa tác động đến môi trường rừng và tài nguyên đa dạng sinh học. Trong đó cần

lưu ý các địa điểm có thể gây nguy hiểm cho du khách.

Cần lập đạt các bảng hiệu, khẩu hiệu tuyên truyền về bảo vệ môi trường rừng và đa dạng sinh học, du lịch có trách nhiệm.

Ban quản lý cần lập đạt các hệ thống sử dụng năng lượng tái tạo như hệ thống điện mặt trời, máy nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời. Giải pháp này không những tận dụng được năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường mà còn góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của khách du lịch.

3.6.7. Giải pháp về sản phẩm du lịch

VQG Bu Gia Mập cần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch. Mở thêm các tuyến mới, tuyến mao hiểm - khám phá, tuyến qua cầu treo, hòn đoi, tuyến xem hoa bằng lăng, xem chim, mở hiện trường quay phim hay chụp ảnh, xây dựng khu cắm trại, đạp xe trong rừng.

Tuyến khám phá điểm cuối VK96 của đường ống dẫn dầu 4.990 km lịch sử, được xây dựng từ thời kháng chiến chống Mỹ. Nằm trong hệ thống di tích đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận Di tích Quốc gia đặc biệt năm 2013.

- Xây dựng chương trình lễ hội công điền, văn nghệ dân tộc bản địa - đồng bào S'tiêng và M'Nông. Khám phá dân ca M'Nông và lễ cúng mùa vụ của đồng bào S'tiêng như lễ tria lúa, lúa trở bông và mừng lúa mới.

- Bảo tồn, phát triển các nghề truyền thống của đồng bào S'tiêng và M'Nông với các sản phẩm áo, váy, xà rồng, mền, túi xách, khăn, khăn trải bàn dệt thổ cẩm, gui, nôm, dân lam từ tre, tù và... Đây là các sản phẩm làm từ lâm sản ngoài gỗ như mây, tre, nứa... Mở các gian hàng bán quà lưu niệm mang nét truyền thống bản địa. Mở tuyến tham quan làng nghề.

- Giống như các món ăn truyền thống bản địa dùng trong DLST ở VQG Cát Tiên [9], VQG Bu Gia Mập đẩy mạnh việc phục vụ du khách bằng các món ăn và thức uống mang đậm chất truyền thống của đồng bào S'tiêng như cơm lam, dọt mây nướng, canh thụt và rượu cần.

- Kết hợp DLST với du lịch cộng đồng, cho du khách trải nghiệm cuộc sống đồng bào bản địa thông qua việc nghỉ lại trong sóc, bon của người S'tiêng và M'Nông trong các nhà sàn truyền thống. Khám phá

các phong tục, tập quán, lễ hội và hoạt động sản xuất của đồng bào.

- Bình Phước được mệnh danh là thủ phủ của cây điều *Anacardium occidentale*. Vì vậy, kết hợp DLST với tuyên tham quan vườn điều của cư dân vùng đệm trong mùa thu hoạch nhằm tạo thêm sức hút của du lịch vùng này.

3.6.8. Giải pháp về quy hoạch phát triển DLST

- Từ khi đón 46 du khách năm 2011 đến nay, số lượng khách DLST tại VQG Bù Gia Mập không ngừng tăng theo từng năm. Vì vậy, việc cấp thiết đối với khu rừng đặc dụng này là phải quy hoạch phát triển DLST với chiến lược tổng thể của tỉnh Bình Phước và có tầm nhìn rộng hơn. DLST phải gắn kết với cộng đồng cư dân vùng đệm và tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Quy hoạch DLST tại VQG Bù Gia Mập cần chú trọng việc tham gia của đồng bào dân tộc bản địa, chủ yếu là cộng đồng S'tiêng và M'ông. Trước tiên, ưu tiên những hộ đã nhận khoán bảo vệ rừng tham gia vào hoạt động DLST. Tạo sinh kế bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường rừng, đồng thời gắn liền với bảo tồn văn hóa bản địa.

4. KẾT LUẬN

VQG Bù Gia Mập chứa đựng một tiềm năng hết sức to lớn về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Tỉnh đa dạng sinh học, đa dạng cảnh quan và văn hóa truyền thống của đồng bào bản địa là những thế mạnh rất cần cho phát triển DLST. Là nơi sinh sống của 1.117 loài thực vật và 757 loài động vật. Có nhiều loài thực vật nguy cấp quý hiếm và nhiều loài động vật quý hiếm có cấp độ bảo tồn rất nguy cấp.

Tuy vậy, thực tế khai thác DLST ở VQG Bù Gia Mập hiện nay còn nhiều khó khăn, chưa xứng tầm với tiềm năng của nó. Quy hoạch phát triển DLST chưa được phê duyệt, triển khai. Chưa có sự phối hợp trong hoạt động DLST giữa Ban quản lý của vườn với chính quyền địa phương. Đặc biệt, thiếu đi sự tham gia của cộng đồng cư dân, trong đó có đồng bào bản địa. Nhân lực DLST còn thiếu về số lượng cũng như chuyên môn, nghiệp vụ. Cơ sở, vật chất, công nghệ phục vụ DLST còn rất thiếu ở nhiều hang mục. Vấn đề quy mô đầu tư cho bảo tồn đa dạng sinh học và DLST còn hạn chế. Khai thác tài nguyên DLST mới ở dạng sơ khai. Hoạt động quảng bá DLST chưa được triển khai.

Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển DLST cho VQG Bù Gia Mập bao gồm: giải pháp về cơ chế chính sách, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút sự tham gia của cộng đồng, xúc tiến quảng bá và xây dựng thương hiệu, giải pháp kinh tế, công nghệ bảo vệ tài nguyên và môi trường và giải pháp về sản phẩm du lịch. VQG Bù Gia Mập nên có cơ chế chia sẻ lợi ích từ DLST với cư dân vùng đệm - đặc biệt là đồng bào bản địa, triển khai việc thu hút sự tham gia của cộng đồng đồng nhằm hướng tới sự phát triển bền vững kinh tế, xã hội và môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2007). Sách Đỏ Việt Nam. Phần thực vật. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2007). Sách Đỏ Việt Nam. Phần động vật. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2002). Quyết định 170/2002/QĐ-TTg 27/11/2002 về chuyển hàng Khu Bảo tồn Thiên nhiên Bù Gia Mập thành VQG Bù Gia Mập.
4. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2006). Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm. Hà Nội.
5. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2011). Quyết định 2473/QĐ-TTg 30/12/2011 về "Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2030".
6. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2015). Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 9/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020.
7. Cục Thống kê tỉnh Bình Phước (2019). Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh 2018, Bình Phước.
8. Dinh Thanh Sang, Ogata, K. (2010). Participation of ethnic minorities in ecotourism: Case study of Cat Tien Biosphere Reserve, Vietnam. Biodiversity Management and Tourism Development, Lombok, Indonesia; pp. 215-222, ISBN 978-3-9540409-2-6.
9. Dinh Thanh Sang, Ogata, K., & Mizoue, N. (2012). Use of edible forest plants among indigenous ethnic minorities in Cat Tien Biosphere Reserve, Vietnam. Asian Journal of Biodiversity, ISSN 2244-0461. 3: 23-49.

10. Đinh Thanh Sang & Ogata, K. (2012). Traditional ecological knowledge of indigenous ethnic minorities on bamboo uses: a case in Cat Tien Biosphere Reserve, Vietnam. 4th International Ecosummit 2012. Elsevier conference, Ohio State University, USA, 122.
11. Đinh Thanh Sang, Đinh Quang Diệp (2007). Kiến thức bản địa về sử dụng tài nguyên rừng của đồng bào Châu Ma Vườn Quốc gia Cát Tiên. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp. Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.
12. IUCN (2019). IUCN Red List of Threatened Species, <http://www.iucnredlist.org/>.
13. Lê Văn Lanh (2000). Du lịch sinh thái, phân loại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam, Hà Nội.
14. Phạm Trung Lương (2002). Du lịch sinh thái - những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
15. Tổng cục Lâm nghiệp (2017) Báo cáo Kết quả kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội.
16. UNEP (2002). What is ecotourism? United Nations Environment Program. Ngày truy cập 30/04/2019, địa chỉ: <http://portal.unesco.org/en/ev.php>
17. Viện Sinh thái học miền Nam (2012). Báo cáo chuyên đề đa dạng khu hệ thực vật rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh.
18. Vườn Quốc gia Bù Gia Mập (2012). Báo cáo kỹ thuật điều tra, khảo sát đa dạng sinh học tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập và khu vực giáp ranh tỉnh Đắk Nông, Bình Phước.

POTENTIAL AND SOLUTIONS FOR SUSTAINABLE ECOTOURISM DEVELOPMENT IN BU GIA MAP NATIONAL PARK

Đinh Thanh Sang

Summary

Secondary data analysis, field surveys, and interviews were implemented to identify great values of biodiversity, ecological landscapes and cultural tourism resources in Bu Gia Map National Park. It has a great potential for ecotourism development. The park had 1,117 species of vascular plants belonging to 128 families of 5 divisions, among them 19 species were listed in the IUCN Red Data Book. The fauna included 105 mammal species, 246 bird species, 58 reptile species, 28 amphibian species, 289 insect species, and 31 fish ones. Especially, the park had 20 beautiful streams and waterfalls, and the historical vestige of the end of the 4,990 km petrol pipeline was built during the Resistance War against America. Moreover, there were 17 different ethnic groups living in the buffer zone of the park and the indigenous ethnic groups commonly regarded the traditional culture as the main ecotourism attraction. However, the ecotourism development in Bu Gia Map National Park faced many challenges and was disproportionate to its potential. Therefore, 8 solutions were proposed for effective ecotourism and sustainable development of the park.

Keywords: *Ecotourism, biodiversity, sustainable development, indigenous culture, Bu Gia Map National Park.*

Người phản biện: PGS.TS. Đặng Văn Hà

Ngày nhận bài: 5/7/2019

Ngày thông qua phản biện: 6/8/2019

Ngày duyệt đăng: 13/8/2019